



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIỆN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN THÁI BÌNH**

(Kèm theo Thông báo số 1047 /TB-UBND, ngày 10 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12- $(5-6) \times 10 + 7 \times 2$	13
1	Nguyễn Thị Thu Hào	6/2/1988	x	7.2	7	88.5	Thạc sĩ	SP toán học	GV Toán	THCS Nguyễn Thái Bình	319	
2	Đinh Thị Thu Hằng	27/12/1992	x	7.12	7.12	78.5	Cao đẳng	SPToán - Lý	GV Toán	THCS Nguyễn Thái Bình	299.4	
3	Bùi Thị Khuyên	24/01/1995	x	7.19	7.19	44.5	Cao Đẳng	Sư Phạm Toán - Lý	GV Toán	THCS Nguyễn Thái Bình	232.8	
4	Phạm Thị Liễu	25/12/1991	x	7.1	7.1	Vắng	Cử nhân	SPToán	GV Toán	THCS Nguyễn Thái Bình	Vắng	
5	Trịnh Thị Như Quỳnh	9/3/1991	x	7.37	7.37	Vắng	Cử nhân	SP Toán học	GV Toán	THCS Nguyễn Thái Bình	Vắng	
6	Nguyễn Phùng Cẩm Thi	30/7/1993	x	6.65	6.65	Vắng	Cử Nhân	SP Toán học	GV Toán	THCS Nguyễn Thái Bình	Vắng	
7	Ngô Hồng Trang	14/02/1993	x	7.21	7.21	Vắng	Cao đẳng	SP Toán học	GV Toán	THCS Nguyễn Thái Bình	Vắng	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12-4(5+6)x10+7x2	13
8	Đào Minh Kha	20/7/1992		7.03	7.03	83.5	Cử nhân	Ngữ văn	GV Ngữ văn	THCS Nguyễn Thái Bình	307.5	
9	Đào Thị Hương	24/6/1991	x	7.77	7.77	74	Cao Đẳng	Sư Phạm Ngữ Văn (Văn - Sử)	GV Ngữ Văn	THCS Nguyễn Thái Bình	303.4	
10	Nguyễn Ngọc Luom	25/6/1981	x	5.3	5.3	Vắng	Cử Nhân	Cử Nhân Ngoại Ngữ	GV Tiếng Anh	THCS Nguyễn Thái Bình	Vắng	
11	Đào Công Đăng Phúc	03/10/1979		7.5	7.5	85	Trung cấp chuyên nghiệp	Thư viện thiết bị trường học	Thư viện	THCS Nguyễn Thái Bình	320	

Tổng cộng danh sách có 11 ứng viên ; Dự tuyển 6; vắng 5

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

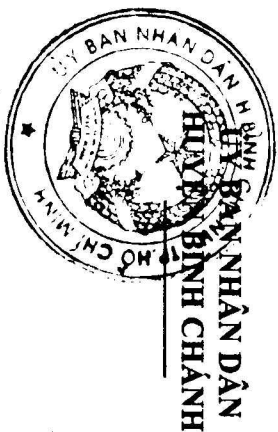
**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS PHONG PHÚ**

(Kèm theo Thông báo số 1 0 4 7 /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (5+6) \times 10 + 7 \times 2$	13
1	Nguyễn Thị Thu Tiên	21/3/1994	x	7.44	7.44	66	Cao Đẳng	Sư Phạm Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Phong Phú	280.8	
2	Đặng Văn Chính	30/09/1987		7.75	7.75	90	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn- GD CD	GV giáo dục công dân	THCS Phong Phú	335	
3	Trần Thị Xuân	15/02/1987	x	6.77	6.77	80.5	Cử nhân	Giáo dục chính trị	GV Giáo dục công dân	THCS Phong Phú	296.4	
4	Nguyễn Thị Như Mơ	15/8/1995	x	6.66	6.66	50	Cao Đẳng	Sư Phạm Hóa Học - Sinh Học	GV Sinh Học	THCS Phong Phú	233.2	

Tổng cộng danh sách có 4 ứng viên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS ĐA PHƯỚC

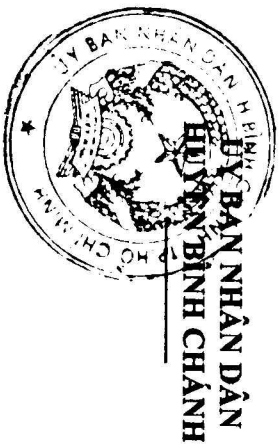
(Kèm theo Thông báo số 1047/TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12= (5+6)x10+7x2	13
1	Phùng Lê Trọng Trí	14/8/1993		6.07	6.07	91.5	Cử Nhân	Toán - Tin Học	GV Toán	THCS Đa Phước	304.4	
2	Trần Ngọc Phước Hải	28/10/1992		6.51	6.51	71.5	Cao đẳng	SP Toán học	GV Toán	THCS Đa Phước	273.2	
3	Nguyễn Văn Dũng	11/1/1979		7.02	7.02	Vắng	Cử nhân	Sư phạm toán học	GV Toán	THCS Đa Phước	Vắng	
4	Lê Đức Mạnh	14/2/1991		7.32	9.4	Vắng	Thạc sĩ	Toán học	GV Toán	THCS Đa Phước	Vắng	
5	Nguyễn Thị Vân	22/2/1994	x	6.87	6.87	Vắng	Cao đẳng	SP Toán học	GV Toán	THCS Đa Phước	Vắng	
6	Nguyễn Thị Huyền	1/4/1992	x	7.93	7.93	77	Cử Nhân	Sư Phạm Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Đa Phước	312.6	
7	Hoàng Thị Hiền	19/2/1991	x	6.5	6.5	Vắng	Cử Nhân	Ngữ Văn	GV Ngữ văn	THCS Đa Phước	Vắng	
8	Tạ Thị Thu	10/2/1992	x	7.16	7.16	96	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	GV Hóa học	THCS Đa Phước	335.2	
9	Nguyễn Thị Minh Trang	05/01/1992	x	7.18	7.18	90	Cử nhân	Sư phạm hóa học	GV Hóa học	THCS Đa Phước	323.6	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12-(5+6)x10+7x2	13
10	Nguyễn Công Khoa	26/03/1981		7.15	7.15	68	Cử nhân	Sư phạm hóa học	GV Hóa học	THCS Đa Phước	279	
11	Nguyễn Văn Diệp	5/12/1993		7.12	7.12	38	Cử Nhân	Sư Phạm Hóa Học	GV Hóa Học	THCS Đa Phước	218.4	
12	Phạm Văn Bộ	19/01/1987		6.8	6.8	Vắng	Cử nhân	Sư phạm hóa học	GV Hóa học	THCS Đa Phước	Vắng	
13	Giang Thị Thu Hà	6/12/1994	x	7.76	7.76	Vắng	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	GV Hóa học	THCS Đa Phước	Vắng	
14	Lê Minh Thiện	05/11/1976		6.62	6.62	85	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	GV Kỹ thuật công nghiệp	THCS Đa Phước	302.4	
15	Nguyễn Hồng Vân	10/3/1993	x	7.16	7.16	58	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	THCS Đa Phước	259.2	

Tổng cộng danh sách có 15 ứng viên. Dự tuyển 9; vắng 6

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS QUI ĐỨC**

(Kèm theo Thông báo số 1 0 4 7 /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (5+6) \times 10 + 7 \times 2$	13
1	Trần Thị Bé	12/8/1988	x	7.24	7.24	84.5	Cử nhân	Sư phạm Ngữ Văn	GV Ngữ văn	THCS Qui Đức	313.8	
2	Hoàng Tùng Lâm	2/10/1993	x	7.7	7.7	48	Đại Học	Sư phạm Ngữ văn	GV Ngữ văn	THCS Qui Đức	250	
3	Tạ Hồng Trí Thông	22/12/1995	X	7.72	7.72	97.5	Cao Đẳng	Sư Phạm Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	THCS Qui Đức	349.4	

Tổng cộng danh sách có 3 ứng viên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS HƯNG LONG**

(Kèm theo Thông báo số 1047 /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+6)x10+7x2	13
1	Nguyễn Thị Huyền	1/4/1992	x	7.93	7.93	79.5	Cử Nhân	Sư Phạm Ngự Văn	GV Ngự Văn	THCS Hưng Long	317.6	
2	Hoàng Tùng Lâm	2/10/1993	x	7.7	7.7	79	Cử nhân	Sư phạm Ngự văn	GV Ngự văn	THCS Hưng Long	312	
3	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	10/07/1995	x	7.59	7.59	44.5	Cao đẳng	Sư phạm Ngự văn	GV Ngự văn	THCS Hưng Long	240.8	
4	Nguyễn Thị Thùy Linh	22/10/1991	x	6.44	6.44	Vắng	Cử nhân	Ngự Văn	GV Ngự văn	THCS Hưng Long	Vắng	
5	Lê Nguyễn Bảo Trân	23/8/1993	x	7.5	7.5	97	Cao Đẳng	Giáo dục công dân	GV giáo dục công dân	THCS Hưng Long	344	
6	Huỳnh Văn Toàn	1/5/1990		7.77	7.77	65	Cao đẳng	Giáo dục công dân	GV giáo dục công dân	THCS Hưng Long	285.4	

Tổng cộng danh sách có 6 ứng viên; dự tuyển 5; vắng 1

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS TÂN QUÝ TÂY

(Kèm theo Thông báo số 1 0 4 7 /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+6)x10+7x2	13
1	Lương Văn Hậu	15/8/1991		6.78	6.78	85	Cử Nhân	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Quý Tây	305.6	
2	Lâm Chanh Tha	20/5/1985	x	7.22	7.22	76.5	Đại học	SP Toán	GV Toán	THCS Tân Quý Tây	297.4	
3	Mai Thị Thùy Trang	07/08/1994	x	7.83	7.83	70	Đại học	Sư phạm toán học	GV Toán	THCS Tân Quý Tây	296.6	
4	Vũ Xuân Hòa	5/8/1988		6.73	6.73	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Quý Tây	Vắng	
5	Đỗ Thị Ánh Tuyết	20/10/1994	x	7.78	7.78	Vắng	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Quý Tây	Vắng	
6	Võ Hoàng Tân	12/12/1988		7.65	8.6	72.5	Thạc sĩ	Vật lý	GV Vật Lý	THCS Tân Quý Tây	307.5	
7	Phạm Thị Hà	2/7/1994	x	8.5	8.5	67	Cử Nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Tân Quý Tây	304	
8	Đào Thị Nga	24/3/1991	x	7.21	7.21	66.5	Cử nhân	Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Tân Quý Tây	277.2	
9	Nguyễn Thị Thanh Hoa	29/11/1992	x	6.72	6.72	68.5	Cử nhân	Sư phạm vật lý	GV Vật lý	THCS Tân Quý Tây	271.4	
10	Bùi Thị Kim Khánh	20/11/1981	x	6.68	6.68	Vắng	Cử Nhân	Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Tân Quý Tây	Vắng	
11	Trần Văn Quang	25/9/1986		5.87	5.87	Vắng	Cử nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Tân Quý Tây	Vắng	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+6)x10+7x2	13
12	Nguyễn Quang Vinh	2/10/1987		7.42	7.42	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Tân Quý Tây	Vắng	

Tổng cộng danh sách có 12 ứng viên; Dự tuyển 7; vắng 5

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỞNG THCS BÌNH CHÁNH**

(Kèm theo Thông báo số 1041 /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12=(5+6) \times 10 + 7 \times 2$	13
1	Thái Công Toản	21/10/1994		7.54	7.54	74.5	Cao Đẳng	SP Toán học	GV Toán	THCS Bình Chánh	299.8	
2	Phùng Lê Trọng Trí	14/8/2016		6.07	6.07	88	Cử Nhân	Toán - Tin học	GV Toán	THCS Bình Chánh	297.4	
3	Trần Thế Nga	9/9/1990	x	7.24	9	67	Thạc Sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê Toán học SP Toán Học	GV Toán	THCS Bình Chánh	296.4	
4	Nguyễn Văn Khải	24/8/1986		6.98	6.98	75.5	Cử nhân	SP Toán Học	GV Toán	THCS Bình Chánh	290.6	
5	Lê Văn Ngôn	12/11/1987		6.69	6.4	74	Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	GV Toán	THCS Bình Chánh	278.9	
6	Trần Thị Lê	23/5/1993	x	6.96	6.96	68	Cử nhân	Toán học	GV Toán	THCS Bình Chánh	275.2	
7	Phạm Thị Phương	5/5/1994	x	6.4	6.4	68	Cao đẳng	SP Toán học	GV Toán	THCS Bình Chánh	264	
8	Phạm Văn Phúc	24/8/1988		7.2	7.2	56	Cử nhân	SP Toán - Lý	GV Toán	THCS Bình Chánh	256	
9	Nguyễn Thị Hậu	24/10/1992	x	6.88	6.88	48	Cử nhân	Toán học - Tin học	GV Toán	THCS Bình Chánh	233.6	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+6)x10+7x2	13
10	Phạm Thị Hằng	12/10/1981	x	6.06	6.06	52	Đại học	Toán học	GV Toán	THCS Bình Chánh	225.2	
11	Lê Minh An	21/02/1990		7.64	9.5	Vắng	Thạc sĩ	Toán học	GV Toán	THCS Bình Chánh	Vắng	
12	Nguyễn Thị Hằng	21/04/1990	x	8.46	8.46	Vắng	Cao Đẳng	SP Toán học	GV Toán	THCS Bình Chánh	Vắng	
13	Phạm Ngọc Liễu	27/03/1993	x	7.42	7.42	Vắng	Cao Đẳng	SP Toán học	GV Toán	THCS Bình Chánh	Vắng	
14	Trịnh Thị Bé Chính	18/3/1987	x	6.86	6.86	87.5	Đại Học	Cử Nhân Khoa học	GV Vật Lý	THCS Bình Chánh	312.2	
15	Hồ Minh Nhựt	22/11/1994		7.49	7.49	79.5	Cử nhân	Sư phạm Vật lý - Tin học	GV Vật Lý	THCS Bình Chánh	308.8	
16	Nguyễn Thị Ngọc Bích	2/10/1992	x	7.13	7.13	75.5	Cao Đẳng	SP Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Bình Chánh	293.6	
17	Trần Thị Xuân Huỳnh	7/1/1990	x	7.49	7.49	54.5	Cử Nhân	SP Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Bình Chánh	258.8	
18	Lê Thị Hoài	22/5/1992	x	7.19	7.19	Vắng	Cử nhân	SP Vật lý	GV Vật Lý	THCS Bình Chánh	Vắng	
19	Nguyễn Quốc Thanh	25/10/1993		7.1	7.1	Vắng	Cử nhân	Vật lý	GV Vật Lý	THCS Bình Chánh	Vắng	
20	Đặng Thị Kỳ Hương	28/08/1990	x	8.1	9.3	66.5	Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	GV Ngữ văn	THCS Bình Chánh	307	
21	Trần Thị Huyền Trang	23/10/1991	x	7.38	7.38	76	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	GV Ngữ văn	THCS Bình Chánh	299.6	
22	Trần Thị Thùy	13/11/1989	x	7.02	7.02	68	Cử nhân	Văn học	GV Ngữ Văn	THCS Bình Chánh	276.4	

Họ và Tên		Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+6)x10+7x2	13
23	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	10/7/1995	X	7.59	7.59	53.5	Cao Đẳng	Sư Phạm Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Bình Chánh	258.8	
24	Nguyễn Tuấn Anh	8/8/1992		7.77	7.77	Vắng	Cử nhân	Sư phạm Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Bình Chánh	Vắng	
25	Phan Thị Mỹ Hạnh	1/12/1995	X	7.3	7.3	Vắng	Cao Đẳng	Sư Phạm Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Bình Chánh	Vắng	
26	Nguyễn Thị Thùy Linh	22/10/1991	x	6.44	6.44	Vắng	Cử nhân	Ngữ Văn	GV Ngữ văn	THCS Bình Chánh	Vắng	
27	Nguyễn Hoàng Yến Phụng	6/4/1995	X	8.29	8.29	Vắng	Cao Đẳng	Sư Phạm Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Bình Chánh	Vắng	
28	Đỗ Thị Kim Anh	26/8/1992	X	7.64	7.64	90	Cao Đẳng	Sư Phạm Lịch sử	GV Lịch Sử	THCS Bình Chánh	332.8	
29	Nguyễn Thị Sao Mai	21/01/1988	X	6.74	6.74	98	Cử Nhân	Lịch Sử	GV Lịch Sử	THCS Bình Chánh	330.8	
30	Lương Thị Tôn	8/9/1992	x	7.08	7.08	92	Cử nhân	Sư phạm Lịch Sử	GV Lịch sử	THCS Bình Chánh	325.6	
31	Phạm Thị Nhung	15/9/1994	x	6.99	6.99	78	Đại học	Sư phạm lịch sử	GV Lịch sử	THCS Bình Chánh	295.8	
32	Phan Thị Phương Hoàng	10/4/1994	X	7.89	7.89	Vắng	Cao Đẳng	Sư Phạm Địa Lý	GV Địa Lý	THCS Bình Chánh	Vắng	
33	Hồ Thị Nguyệt	20/4/1994	X	7.36	7.36	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Địa Lý	GV Địa Lý	THCS Bình Chánh	Vắng	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+6)x10+7x2	13
34	Phạm Thị Hòa	5/4/1990	X	7.54	7.54	57.5	Cử nhân	Sư phạm Sinh học	GV Sinh Học	THCS Bình Chánh	265.8	
35	Phạm Thị Hồng	10/9/1990	X	7.4	7.4	Vắng	Thạc Sĩ	Sinh Học Sư Phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	GV Sinh Học	THCS Bình Chánh	Vắng	

Tổng cộng danh sách có 35 ứng viên; Dự tuyển 23; Vắng 12

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

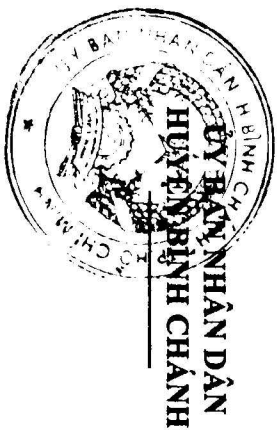
**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LINH**

(Kèm theo Thông báo số 1 0 4 7 /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12= $(5+6) \times 10 + 7 \times 2$	13
1	Lương Văn Hậu	15/8/1991		6.78	6.78	89	Cử nhân	SP Toán học	GV Toán	THCS Nguyễn Văn Linh	313.6	
2	Nguyễn Thị Dung	22/9/1992	x	6.64	6.64	84	Cao đẳng	SP Toán học	GV Toán	THCS Nguyễn Văn Linh	300.8	
3	Nguyễn Thị Nga	3/12/1991	x	7.66	7.66	72.5	Cử nhân	SP Toán học	GV Toán	THCS Nguyễn Văn Linh	298.2	
4	Lê Văn Long	18/11/1990		7.33	7.33	73.5	Cử nhân	SP Toán học	GV Toán	THCS Nguyễn Văn Linh	293.6	
5	Phan Thị Quỳnh	26/11/1991	x	6.39	6.39	74	Cao Đẳng	SP Toán - Lý	GV Toán	THCS Nguyễn Văn Linh	275.8	
6	Đỗ Anh Tuấn	1/2/1987		6.21	6.21	65	Cao đẳng	SP Toán học	GV Toán	THCS Nguyễn Văn Linh	254.2	
7	Phạm Thị Bích Vân	15/4/1972	x	8.2	8.2	95	Trung cấp nghiệp vụ	Thư viện - thiết bị trường học	Thư viện	THCS Nguyễn Văn Linh	354	

Tổng cộng danh sách có 7 ứng viên; Dự tuyển 7

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỞNG THCS TÂN TÚC

(Kèm theo Thông báo số 1 0 4 7 /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+6)x10+7x2	13
1	Hoàng Thị Thu	Phuong	x	7.76	7.76	77	Cử nhân	Sư phạm Toán	GV Toán	THCS Tân Túc	309.2	
2	Nguyễn Hưng	Hòa		7.13	7.13	79	Cử nhân	Sư phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Túc	300.6	
3	Lê Văn	Ngon		6.69	6.4	84	Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	GV Toán	THCS Tân Túc	298.9	
4	Trần Thị Thanh	Bình	x	6.475	6.475	76.5	Đại học	Sư phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Túc	282.5	
5	Nguyễn Thanh	Hiền		6.26	6.26	78	Cử nhân	Sư phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Túc	281.2	
6	Mai Thị Thùy	Trang	x	7.83	7.83	50.5	Đại học	Sư phạm toán học	GV Toán	THCS Tân Túc	257.6	
7	Hoàng Thế	Lương		6.62	6.62	55.5	Cao Đẳng	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Túc	243.4	
8	Nguyễn Thị	Nga	x	7.66	7.66	44.5	Cử Nhân	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Túc	242.2	
9	Đỗ Thị Cẩm	Tú	x	7.03	7.03	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Túc	Vắng	
10	Lê Hoàng	Hải		8.3	8.8	87.5	Thạc sĩ	Vật Lý kỹ thuật	GV Vật Lý	THCS Tân Túc	346	
11	Trần Thị Thanh	Trúc	x	7.6	7.6	86.5	Đại Học	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Tân Túc	325	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+0)x10+7x2	13
12	Nguyễn Xuân Hòa	22/11/1992	x	7.45	7.45	77	Cử nhân	Sư phạm vật lý	GV Vật Lý	THCS Tân Túc	303	
13	Lê Đình Thủy	2/1/1987		6.82	6.82	80.5	Cử nhân	Chương trình tài năng Vật lý	GV Vật Lý	THCS Tân Túc	297.4	
14	Nguyễn Thị Thanh Hòa	10/3/1992	x	7.15	7.15	76.5	Cử Nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Tân Túc	296	
15	Phạm Thị Hà	2/7/1994	x	8.5	8.5	52.5	Cử nhân	Sư phạm vật lý	GV Vật lý	THCS Tân Túc	275	
16	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	19/10/1992	x	7.52	7.52	55	Cử nhân	Vật lý học	GV Vật Lý	THCS Tân Túc	260.4	
17	Mai Thị Dung	06/12/1989	x	7.7	8.8	Vắng	Thạc sĩ	Quang học	GV Vật Lý	THCS Tân Túc	Vắng	
18	Đoàn Võ Minh Thy	28/7/1995	x	7.75	7.75	76	Cao Đẳng	Sư Phạm Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Tân Túc	307	
19	Nguyễn Thị Hồng Sương	14/7/1992	x	6.82	6.82	64	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ văn	GV Ngữ văn	THCS Tân Túc	264.4	
20	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	10/07/1995	x	7.59	7.59	50	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ văn	GV Ngữ văn	THCS Tân Túc	251.8	
21	Hoàng Thị Hiền	19/2/1991	x	6.5	6.5	Vắng	Cử Nhân	Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Tân Túc	Vắng	
22	Lê Nguyễn Bảo Trân	23/8/1994	x	7.5	7.5	97	Cao Đẳng	GD CD	GV giáo dục công dân	THCS Tân Túc	344	
23	Trần Thị Thúy Quyên	13/9/1994	x	7.22	7.22	98	Cao Đẳng	GD CD	GV giáo dục công dân	THCS Tân Túc	340.4	
24	Bùi Thị Bảo Yến	10/4/1994	x	7.43	7.43	95	Cao Đẳng	GD CD	GV giáo dục công dân	THCS Tân Túc	338.6	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+6)x10+7x2	13
25	Nguyễn Thị Kim Diên	27/3/1988	x	7.51	7.51	Vắng	Cử nhân	Giáo dục chính trị	GV giáo dục công dân	THCS Tân Túc	Vắng	
26	Nguyễn Tuyết Lan	12/2/1985	x	6.81	6.81	98	Cử Nhân	Sư Phạm Hóa Học	GV Hóa Học	THCS Tân Túc	332.2	
27	Nguyễn Thị Minh Trang	05/01/1992	x	7.18	7.18	94	Cử nhân	Sư phạm hóa học	GV Hóa học	THCS Tân Túc	331.6	
28	Lê Thị Khánh Huyền	5/3/1989	x	7.06	7.06	89	Cử nhân	Sư phạm hóa học	GV Hóa học	THCS Tân Túc	319.2	
29	Trần Anh Khoa	09/11/1994		7.7	7.7	74	Cao đẳng	Sư phạm hóa học	GV Hóa học	THCS Tân Túc	302	
30	Trần Văn Kha	20/4/1989		6.83	6.83	72	Cử nhân	Hóa học	GV Hóa học	THCS Tân Túc	280.6	
31	Nguyễn Thị Kim Thoa	20/3/1991	x	7.52	7.52	53	Cử Nhân	Hóa Học	GV Hóa Học	THCS Tân Túc	256.4	
32	Nguyễn Thị Hà	06/09/1993	x	7.125	7.125	Vắng	Cử nhân	Sư phạm hóa học	GV Hóa học	THCS Tân Túc	Vắng	
33	Giang Thị Thu Hà	6/12/1994	x	7.76	7.76	Vắng	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	GV Hóa học	THCS Tân Túc	Vắng	
34	Phạm Thị Mai	6/10/1991	x	7.51	7.51	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Hóa Học	GV Hóa học	THCS Tân Túc	Vắng	
35	Lê Thị Ngoan	9/2/1991	x	6.68	6.68	Vắng	Cử nhân	Sư phạm hóa học	GV Hóa học	THCS Tân Túc	Vắng	
36	Cao Thị Ánh Ngọc	2/3/1989	x	7.9	9.3	Vắng	Thạc sĩ	Hóa phân tích	GV Hóa học	THCS Tân Túc	Vắng	
37	Phan Thanh Tùng	2/3/1990		6.38	6.38	Vắng	Cử nhân	Sư phạm hóa học	GV Hóa học	THCS Tân Túc	Vắng	
38	Lê Anh Tuấn	31/3/1994		7.2	7.2	93	Đại Học	Giáo dục thể chất	GV Thể dục	THCS Tân Túc	330	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12-(5+6)x10+ 7x2	13
39	Huỳnh Phước Hậu	13/3/1991		7.45	7.45	89	Cao Đẳng	Giáo dục thể chất	GV Thể dục	THCS Tân Túc	327	
40	Trần Thị Dịu	18/6/1991	x	7.05	7.05	93.5	Đại học	Ngôn Ngữ Anh	GV Tiếng Anh	THCS Tân Túc	328	
41	Lý Khoa	13/2/1989		6.96	6.96	47.5	Đại học	Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	THCS Tân Túc	234.2	

Tổng cộng danh sách có 41 ứng viên; Dự tuyển 31; vắng 10

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS TÂN KIẾN**

(Kèm theo Thông báo số 1 0 4 7 /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (5+6) \times 10 + 7 \times 2$	13
1	Huỳnh Thị Hà	15/12/1992	x	7.35	7.35	88	Cử nhân	Sư phạm toán học	GV Toán	THCS Tân Kiên	323	
2	Vũ Thúy Hằng	28/09/1989	x	7.6	7.6	85	Cử nhân	Sư phạm toán học	GV Toán	THCS Tân Kiên	322	
3	Trần Thị Thanh Bình	14/11/1991	x	6.48	6.48	73	Đại học	Sư phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Kiên	275.5	
4	Đoàn Thị Ngọc	21/7/1989	x	6.05	6.05	68.5	Cử Nhân	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Kiên	258	
5	Hoàng Thế Lương	11/7/1994		6.62	6.62	40	Cao Đẳng	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Tân Kiên	212.4	
6	Nguyễn Minh Hải	11/9/1990		6.79	6.79	76.5	Cử Nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Tân Kiên	288.8	
7	Trần Thị Triều	22/01/1993	x	7.75	7.75	62	Cử Nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Tân Kiên	279	
8	Cao Thanh Đàm	9/4/1991		6.95	6.95	Vắng	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	GV Vật Lý	THCS Tân Kiên	Vắng	
9	Nguyễn Thị Huyền	2/3/1986	x	7.35	7.35	Vắng	Đại học	Sư phạm vật lý	GV Vật lý	THCS Tân Kiên	Vắng	
10	Võ Thị Tố Trâm	9/1/1992	x	7.43	7.43	65.5	Cử Nhân	Sư Phạm Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Tân Kiên	279.6	
11	Hà Thị Hạnh	5/5/1993	x	7.29	7.29	63.5	Cử nhân	Văn học	GV Ngữ văn	THCS Tân Kiên	272.8	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (5+0) \times 10 + 7 \times 2$	13
12	Đoàn Thị Hoài Nhân	17/03/1990	x	7.8	9.5	Vắng	Thạc Sĩ	Văn học	GV Ngữ Văn	THCS Tân Kiên	Vắng	
13	Nguyễn Hoàng Yến Phụng	6/4/1995	x	8.29	8.29	Vắng	Cao Đẳng	Sư Phạm Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Tân Kiên	Vắng	
14	Nguyễn Thị Vy	21/7/1994	x	6.8	6.8	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Tân Kiên	Vắng	
15	Trương Thị Ngọc Giàu	20/10/1993	x	9.15	9.15	94	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử	GV Lịch sử	THCS Tân Kiên	371	
16	Nguyễn Thị Sao Mai	21/01/1988	X	6.74	6.74	93	Cử Nhân	Lịch Sử	GV Lịch Sử	THCS Tân Kiên	320.8	
17	Lê Anh Tuấn	31/03/1994		7.2	7.2	88	Đại học	giáo dục thể chất	GV Thể dục	THCS Tân Kiên	320	
18	Trần Trọng Hoàng	1/10/1991		7.32	7.32	63.5	Cử nhân	Huấn luyện thể thao	GV Thể dục	THCS Tân Kiên	273.4	

Tổng cộng danh sách có 18 ứng viên; Dự tuyển 13; Vắng 5

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

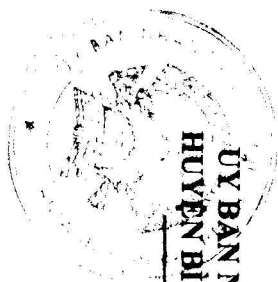
**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS PHẠM VĂN HAI**

(Kèm theo Thông báo số 1 0 4 7 /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (5+6) \times 10 + 7 \times 2$	13
1	Trần Thị Dịu	18/6/1994	x	7.05	7.05	87.5	Đại học	Ngôn ngữ Anh	GV Tiếng Anh	THCS Phạm Văn Hai	316	

Tổng cộng danh sách có 1 ứng viên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS LÊ MINH XUÂN**

(Kèm theo Thông báo số

/TB-UBND, ngày tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển $12=(5+6) \times 10 + 7 \times 2$	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		13
1	Nguyễn Ngọc Phước	1/12/1993		6.63	6.63		83	Cao Đẳng Toán Học	Sư Phạm GV Tổng phụ trách	THCS Lê Minh Xuân	298.6	
2	Lê Thị Nguyệt Nga	25/2/1991	x	7.06	7.06		54	Cử Nhân Sư Phạm Toán Học	GV Tổng phụ trách	THCS Lê Minh Xuân	249.2	

Tổng cộng danh sách có 2 ứng viên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS ĐỒNG ĐEN**

(Kèm theo Thông báo số **1 0 4 7** /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+6)x10+ 7x2	13
1	Nguyễn Ngọc Phước	1/12/1993		6.63	6.63	85	Cao đẳng	Sư phạm toán học	GV Tổng phụ trách	THCS Đồng Đen	302.6	
2	Lê Thị Thủy	10/4/1994	x	6.99	6.99	63	Đại Học	Sư Phạm Toán Học	GV Tổng phụ trách	THCS Đồng Đen	265.8	
3	Đông Thị Dung	5/3/1994	x	6.5	6.5	77.5	Cao Đẳng	Sư Phạm Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	THCS Đồng Đen	285	
4	Hứa Thị Kim Thủy	05/09/1977	x	7.4	7.4	95	Trung cấp chuyên nghiệp	Thư viện - Thiết bị trường học	Thiết bị	THCS Đồng Đen	338	

Tổng cộng danh sách có 4 ứng viên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS VINH LỘC A**

(Kèm theo Thông báo số 1 0 4 7 /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = \frac{(5+6) \times 10 + 7 \times 2}{2}$	13
1	Võ Hữu Hoàng Tiến	1/1/1985		5.99	5.99	75.5	Đại học	Toán học	GV Toán	THCS Vĩnh Lộc A	270.8	
2	Trần Thị Xuân	3/1/1989	x	7.24	7.24	63	Cao đẳng	Sư phạm Toán - Lý	GV Toán	THCS Vĩnh Lộc A	270.8	
3	Hoàng Thế Lương	11/7/1994		6.33	6.33	43	Cao đẳng	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Vĩnh Lộc A	212.6	
4	Trần Thị Huệ	28/7/1989	x	7.09	7.09	Vắng	Cao Đẳng	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Vĩnh Lộc A	Vắng	
5	Đoàn Văn Tuấn Khanh	22/01/1987		7.01	7.9	Vắng	Thạc sĩ	Toán học	GV Toán	THCS Vĩnh Lộc A	Vắng	
6	Phan Thị Tuyết Sông	19/1/1987	x	8.2	8.2	82.5	Trung cấp chuyên nghiệp	Hành chính văn thư	Văn Thư	THCS Vĩnh Lộc A	329	
7	Võ Thị Thái	12/09/1990	x	7.99	7.99	92	Cử nhân	Sư phạm địa lý	GV Địa lý	THCS Vĩnh Lộc A	343.8	
8	Phạm Thị Nhâm	12/1/1993	x	7.42	7.42	48	Cử Nhân	Sư Phạm Địa Lý	GV Địa Lý	THCS Vĩnh Lộc A	244.4	
9	Bùi Nguyễn Lâm	6/11/1976		6.4	6.4	86.5	Cử Nhân	Tiếng Anh Sư Phạm	GV Tiếng Anh	THCS Vĩnh Lộc A	301	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = \frac{(5+6) \times 10 + 7 \times 2}{2}$	13
10	Mai Thị Huyền	25/10/1987	x	6.42	6.42	Vắng	Cử Nhân	Ngữ Văn Anh	GV Tiếng Anh	THCS Vĩnh Lộc A	Vắng	
11	Lê Thị Bích Phượng	9/9/1995	x	7.19	7.19	Vắng	Cao đẳng	Sư Phạm Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	THCS Vĩnh Lộc A	Vắng	
12	Nguyễn Phương Thảo	14/01/1989	x	6.91	6.91	Vắng	Đại Học	Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	THCS Vĩnh Lộc A	Vắng	

Tổng cộng danh sách có 12 ứng viên. Dự thi 7; vắng 5

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2016-2017
CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THCS VÕ VĂN VÂN

(Kèm theo Thông báo số 1 0 4 7 /TB-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (5+6) \times 10 + 7 \times 2$	13
1	Lại Thị Kim Ngân	19/12/1995	x	8.38	8.38	87	Cao Đẳng	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	341,6	
2	Nguyễn Thị Chi	8/4/1993	x	7.62	7.62	88.5	Đại Học	Sư Phạm Toán Học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	329,4	
3	Vũ Thị Duyên	27/10/1990	x	7.49	9.1	81.5	Thạc sĩ	Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	328,9	
4	Trần Thị Hằng	05/05/1991	x	7.91	7.91	82	Thạc sĩ	Sư Phạm toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	322,2	
5	Lê Thị Nguyệt Nga	25/2/1991	x	7.06	7.06	82.5	Cử Nhân	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	306,2	
6	Phạm Thị Ngân	28/04/1989	x	7.69	9	69	Cao đẳng	Sư phạm toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	304,9	
7	Nguyễn Thị Huệ	18/10/1993	x	6.92	6.92	82	Cử nhân	Sư phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	302,4	
8	Lê Thị Thủy	10/04/1994	x	6.99	6.99	78.5	Đại học	Sư phạm toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	296,8	
9	Nguyễn Thị Dung	22/9/1992	x	6.64	6.64	80.5	Cao đẳng	Sư Phạm Toán Học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	293,8	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (5+6) \times 10 + 7 \times 2$	13
10	Trần Duy Thảo	20/3/1988		6.02	6.02	85	Cao đẳng	Sư phạm toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	290.4	
11	Nguyễn Thành Luân	29/10/1997		6.69	6.69	77.5	Cao Đẳng	Sư Phạm Toán	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	288.8	
12	Hoàng Thị Huệ	24/11/1986	x	7.07	7.07	71.5	Cao Đẳng	Sư Phạm Toán - Lý	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	284.4	
13	Lê Thị Tuyết Hạnh	15/7/1992	x	6.9	6.9	71.5	Cử nhân	Sư phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	281	
14	Lê Trung Nguyên	27/09/1982		6.13	6.13	76	Cử Nhân	Toán - Tin Học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	274.6	
15	Nguyễn Thị Xuân	16/6/1992	x	7.1	7.1	66	Cử Nhân	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	274	
16	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	10/04/1994	x	7.21	7.21	64	Cử nhân	Sư phạm toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	272.2	
17	Bùi Thị Thùy	21/4/1988	x	5.8	5.8	75.5	Cử Nhân	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	267	
18	Phạm Thị Hằng	12/10/1981	x	6.06	6.06	72	Đại Học	Toán Học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	265.2	
19	Nguyễn Thị Hậu	24/10/1992	x	6.88	6.88	60	Cử nhân	Toán học - Tin học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	257.6	
20	Bùi Thị Thảo	1/12/1991	x	7.72	7.72	51.5	Đại Học	Sư phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	257.4	
21	Phạm Thị Phương	5/5/1994	x	6.4	6.4	60	Cao Đẳng	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	248	
22	Nguyễn Thị Vân	22/2/1994	x	6.87	6.87	40	Cao đẳng	Sư phạm toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	217.4	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (5+6) \times 10 + 7 \times 2$	13
23	Lê Duy Khánh	9/11/1986		6.27	6.27	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	Vắng	
24	Nguyễn Xuân Long	29/6/1987		6.34	6.34	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	Vắng	
25	Hoàng Thế Lương	11/7/1994		6.62	6.62	Vắng	Cao Đẳng	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	Vắng	
26	Ngô Hồng Trang	14/02/1993	x	7.21	7.21	Vắng	Cao Đẳng	Sư Phạm Toán học	GV Toán	THCS Võ Văn Vân	Vắng	
27	Nguyễn Thị Kim Tiên	26/06/1992	x	8.01	8.01	85.5	Cử Nhân	Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Võ Văn Vân	331.2	
28	Nguyễn Thị Thanh Thảo	17/1/1993	x	7.19	7.19	85	Cao đẳng	Sư phạm Vật lý	GV Vật Lý	THCS Võ Văn Vân	313.8	
29	Lê Thị Thu Hoài	12/9/1992	x	7.17	7.17	82.5	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	GV Vật Lý	THCS Võ Văn Vân	308.4	
30	Tăng Thị Hòa	4/10/1993	x	7.04	7.04	81	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	GV Vật Lý	THCS Võ Văn Vân	302.8	
31	Nguyễn Thị Thanh Hoa	29/11/1992	x	6.72	6.72	83	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	GV Vật Lý	THCS Võ Văn Vân	300.4	
32	Đỗ Thị Tuyết	18/12/1991	x	7.18	7.18	78	Cử Nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Võ Văn Vân	299.6	
33	Trần Đình Thiện	20/01/1982		6.88	6.88	79	Cử nhân	Sư phạm vật lý	GV Vật Lý	THCS Võ Văn Vân	295.6	
34	Mai Bá Hoàng Phương	30/12/1989		6.81	6.81	77	Cử Nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Võ Văn Vân	290.2	
35	Trần Thị Mỹ Duyên	3/9/1991	x	6.45	6.45	78	Cử Nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Võ Văn Vân	285	
36	Trần Thị Triều	22/01/1993	x	7.75	7.75	56.5	Cử Nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Võ Văn Vân	268	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+0)x10 ^{+7x2}	13
37	Nguyễn Văn Minh	23/10/1987		5.81	5.81	65	Cử nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Vô Văn Vân	246.2	
38	Nguyễn Thị Bảo Ái	18/3/1983	x	6.91	6.91	Vắng	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	GV Vật Lý	THCS Vô Văn Vân	Vắng	
39	Ninh Thị Huyền	10/9/1991	x	7.83	7.83	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Vô Văn Vân	Vắng	
40	Nguyễn Kim Phát	2/1/1983	x	6.16	6.16	Vắng	Cử nhân	Vật lý	GV Vật lý	THCS Vô Văn Vân	Vắng	
41	Phan Thị Ngọc Thủy	10/10/1992	x	6.81	6.81	Vắng	Cử Nhân	Vật Lý Học	GV Vật Lý	THCS Vô Văn Vân	Vắng	
42	Ngô Thị Thanh Toàn	16/10/1991	x	7.32	7.32	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Vật Lý	GV Vật Lý	THCS Vô Văn Vân	Vắng	
43	Đinh Ngọc Trung	20/02/1987		8.85	8.85	Vắng	Thạc sĩ	Vật lý kỹ thuật	GV Vật Lý	THCS Vô Văn Vân	Vắng	
44	Lê Thị Hà	28/8/1990	x	7.45	7.45	70	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ Văn - Địa lý	GV Ngữ văn	THCS Vô Văn Vân	289	
45	Lê Thị Thu Hương	7/8/1986	x	7.07	7.07	69	Cử Nhân	Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Vô Văn Vân	279.4	
46	Ngân Thị Nụ	20/10/1989	x	7.39	7.39	60	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	GV Ngữ văn	THCS Vô Văn Vân	267.8	
47	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	17/11/1994	x	7.51	7.51	58	Cao Đẳng	Sư Phạm Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Vô Văn Vân	266.2	
48	Vương Thị Lài	12/5/1988	x	6.57	6.57	54	Cử Nhân	Cử Nhân Ngữ Văn	GV Ngữ Văn	THCS Vô Văn Vân	239.4	

LT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (5+6) \times 10 + 7 \times 2$	13
49	Nguyễn Ngọc Phước	1/12/1993		6.63	6.63	83.5	Cao đẳng	Sư phạm toán học	GV Tổng phụ trách	THCS Võ Văn Vân	299.6	
50	Trần Thị Anh Thư	12/2/1994	x	7.55	7.55	Vắng	Cao Đẳng	Sư Phạm Hóa Học	GV Tổng phụ trách	THCS Võ Văn Vân	Vắng	
51	Trần Thị Bích	9/6/1991	x	7.73	7.73	97	Cử Nhân	Sư Phạm Hóa Học	GV Hóa học	THCS Võ Văn Vân	348.6	
52	Nguyễn Thị Thảo	23/12/1990	x	7.27	7.27	92	Cử Nhân	Sư Phạm Hóa Học	GV Hóa học	THCS Võ Văn Vân	329.4	
53	Lê Thị Khánh Huyền	5/3/1989	x	7.06	7.06	83	Cử Nhân	Sư Phạm Hóa Học	GV Hóa học	THCS Võ Văn Vân	307.2	
54	Đỗ Minh Hòa	10/9/1990		6.82	6.82	83	Cử Nhân	Sư Phạm Hóa Học	GV Hóa học	THCS Võ Văn Vân	302.4	
55	Trần Anh Khoa	9/11/1994		7.7	7.7	73	Cao đẳng	Sư phạm hóa học	GV Hóa học	THCS Võ Văn Vân	300	
56	Đinh Đức Bình	21/12/1991		7.81	7.81	58	Cử Nhân	Sư Phạm Hóa Học	GV Hóa Học	THCS Võ Văn Vân	272.2	
57	Nguyễn Tấn Thành	28/2/1982		6.66	6.66	63	Đại học	Sư phạm hóa học	GV Hóa học	THCS Võ Văn Vân	259.2	
58	Phạm Văn Phương	1/3/1990		6.73	6.73	Vắng	Cao Đẳng	Sư Phạm Hóa Học	GV Hóa Học	THCS Võ Văn Vân	Vắng	
59	Nguyễn Thị Lương	12/7/1990	x	7.74	7.74	98	Cử nhân	Sư phạm Lịch Sử	GV Lịch Sử	THCS Võ Văn Vân	350.8	
60	Phạm Văn Đồng	2/9/1986		7.27	7.27	97	Cử nhân	Sư phạm Lịch Sử	GV Lịch Sử	THCS Võ Văn Vân	339.4	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (5+6) \times 10 + 7 \times 2$	13
61	Bùi Đình Huy	5/10/1990		7.18	7.18	92	Cử Nhân	Sư Phạm Lịch Sử	GV Lịch Sử	THCS Võ Văn Vân	327.6	
62	Nguyễn Thị Bành	16/6/1991	x	7.95	7.95	82	Cử nhân	Sư Phạm Lịch sử	GV Lịch sử	THCS Võ Văn Vân	323	
63	Nguyễn Thị Dịu	6/1/1992	x	7.33	7.33	82	Cử nhân	Sư Phạm Lịch Sử	GV Lịch Sử	THCS Võ Văn Vân	310.6	
64	Nguyễn Thị Khanh	20/12/1992	x	7.34	7.34	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Lịch Sử	GV Lịch Sử	THCS Võ Văn Vân	Vắng	
65	Lê Thị Linh Nhâm	17/3/1988	x	7.71	7.71	Vắng	Cử nhân	Đông Phương học	GV Lịch sử	THCS Võ Văn Vân	Vắng	
66	Nguyễn Thị Kim Oanh	23/9/1990	x	7.25	7.25	Vắng	Cử Nhân	Sư Phạm Lịch Sử	GV Lịch Sử	THCS Võ Văn Vân	Vắng	
67	Nguyễn Thị Hương	23/04/1979	x	7.27	7.27	91	Cử nhân	Sư phạm địa lý	GV Địa lý	THCS Võ Văn Vân	327.4	
68	Phan Thị Phương Hoàng	10/4/1994	x	7.89	7.89	Vắng	Cao Đẳng	Sư phạm Địa Lý	GV Địa Lý	THCS Võ Văn Vân	Vắng	
69	Đinh Thị Diễm Sương	23/11/1987	x	7.6	7.6	Vắng	Cao đẳng	Sư phạm Địa Lý - Giáo dục công dân	GV Địa Lý	THCS Võ Văn Vân	Vắng	
70	Nguyễn Thị Hạnh Dung	25/10/1993	x	6.6	6.6	93.5	Cao Đẳng	Sư Phạm Kinh Tế Gia Đình	GV Nữ Công	THCS Võ Văn Vân	319	
71	Nguyễn Thị Xuyên	10/5/1987	x	6.79	6.79	Vắng	Cao Đẳng	Sư Phạm Sinh Học	GV Sinh Học	THCS Võ Văn Vân	Vắng	

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Điểm học tập Hệ số 1	Điểm tốt nghiệp Hệ số 1	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=(5+6)x10 +7x2	13
72	Nguyễn Thị Thủy Linh	Trang	29/01/1996	x	7.8	7.8	95	Trung cấp chuyên nghiệp	Thư viện - Thiết bị trường học	THCS Võ Văn Vân	346	
73	Hà Thị Yên	Yến	17/9/1986	x	7.34	7.34	97	Cử nhân	Khoa học thư viện	THCS Võ Văn Vân	340.8	

Tổng cộng danh sách có 73 ứng viên ; Dự tuyển 35 ; Vắng 18

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH